

Bản án số: 87/2019/DS-ST

Ngày: 20 - 11 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2019/TLST – DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 214/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Trụ sở: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh D – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2019), vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N.

Địa chỉ: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng A có bà Nguyễn Thị Minh D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/8/2014, bà Huỳnh Thị N có ký với Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập, tình hình tài chính và đề nghị của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng Visa Ladies First 486265-3919 và Family Local Credit New 970403-6980 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.500.000 đồng, cụ thể: Thẻ Visa Ladies First 486265-3919: 14.500.000 đồng; Thẻ Family Local Credit New 970403-6980: 15.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ bà N đã thanh toán (theo thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho Ngân hàng số tiền 16.929.085 đồng, cụ thể: Thẻ Visa Ladies First 486265-3919: 9.329.085 đồng; Thẻ Family Local Credit New 970403-6980: 7.600.000 đồng.

Sau nhiều kỳ thanh toán nợ, bà N không thanh toán đúng số tiền dư nợ tối thiểu theo quy định của Ngân hàng (số tiền thanh toán tối thiểu = 5% x Dư nợ hiện tại). Do đó, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Huỳnh Thị N đối với 02 thẻ tín dụng, thẻ Visa Ladies First 486265-3919 và thẻ Family Local Credit New 970403-6980 vào ngày 16/9/2015.

Kể từ ngày 05/01/2016, bà N không tiếp tục thanh toán nợ các thẻ tín dụng đã sử dụng cho Ngân hàng. Ngày 05/3/2016, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà N sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Như vậy, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng.

Sau khi chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang quá hạn đối với 02 thẻ tín dụng của bà N, Ngân hàng cũng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà N vẫn chưa thanh toán và không hợp tác trả nợ cho khoản nợ vay thẻ tín dụng quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán tổng số tiền gốc và lãi phát sinh của 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 20/9/2019 là 72.120.493 đồng, bao gồm: nợ gốc là 28.603.273 đồng và tiền lãi là 43.517.220 đồng. Bên cạnh đó, bà N còn phải chịu khoản lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị N thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng thuộc loại tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà N có nơi cư trú tại địa chỉ: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn là bà Huỳnh Thị N đến tham gia phiên tòa vào ngày 17/10/2019 và ngày 20/11/2019, nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

Xét đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của bà Phạm Thị Minh Diệu là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A là đúng theo quy định của pháp luật và việc bà Diệu vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Diệu.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Ngày 06/8/2014, bà Huỳnh Thị N đã ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng A. Sau đó, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà N 02 Thẻ tín dụng Visa Ladies First 486265-3919 và Family Local Credit New 970403-6980 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân. Các bên tham gia ký kết, giao dịch tự nguyện, Hợp đồng tín dụng có hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp. Xét các thỏa thuận về hạn mức tín dụng, phương thức thanh toán, lãi suất, các loại phí tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 06/8/2014 là phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động cho vay tiêu dùng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[3.2] Sau khi được cấp 02 thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.500.000 đồng, cụ thể: Thẻ Visa Ladies First 486265-3919: 14.500.000 đồng; Thẻ Family Local Credit New 970403-6980: 15.000.000 đồng. Theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín

dụng có hiệu lực từ ngày 20/9/2013 của Ngân hàng, bà N đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.929.085 đồng, cụ thể: Thẻ Visa Ladies First 486265-3919: 9.329.085 đồng; Thẻ Family Local Credit New 970403-6980: 7.600.000 đồng. Tuy nhiên, sau nhiều kỳ không thanh toán đúng số tiền dư nợ tối thiểu theo quy định nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng 02 thẻ tín dụng của bà N vào ngày 16/9/2015. Đến ngày 05/3/2016, do bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà N sang nợ quá hạn. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 06/8/2014 nên Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Hội đồng xét xử buộc bà Huỳnh Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/11/2019) là 74.171.923 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa Ladies First 486265-3919: Nợ gốc là 12.136.913 đồng + lãi quá hạn là 17.678.685 đồng = 29.815.598 đồng.

- Thẻ Family Local Credit New 970403-6980: Nợ gốc là 16.466.360 đồng + lãi quá hạn là 27.889.965 đồng = 44.356.325 đồng.

Kể từ ngày 21/11/2019, bà Huỳnh Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A:

Buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 06/8/2014, tính đến ngày 20/11/2019 là 74.171.923 (bảy mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm hai mươi ba) đồng, trong đó: Thẻ Visa Ladies First 486265-3919 số tiền 29.815.598 đồng; Thẻ Family Local Credit New 970403-6980 số tiền 44.356.325 đồng. Thanh toán làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 21/11/2019, bà Huỳnh Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.708.596 (ba triệu, bảy trăm linh tám nghìn, năm trăm chín mươi sáu) đồng. Bà N chưa nộp án phí.

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.708.848 (một triệu, bảy trăm linh tám nghìn, tám trăm bốn mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0016618 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi